

GIÁO DỤC Ý THỨC PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI PHỤ NỮ CHO THANH NIÊN

ThS. LÝ THỊ MINH HẰNG*

1. *Bạo lực gia đình* (BLGD) đối với phụ nữ (PN) là vấn đề vi phạm quyền con người, nó để lại những hậu quả nặng nề không chỉ đối với những thành viên trong gia đình mà còn là gánh nặng đối với toàn xã hội. Nhằm giảm thiểu và dần chấm dứt bạo lực, nghiên cứu quốc gia về BLGD đối với PN ở Việt Nam năm 2010 đã nêu ra khuyến nghị đẩy mạnh phòng ngừa ban đầu. Trong đó, giáo dục có vai trò giúp thanh niên (TN) thúc đẩy công bằng giới và ngăn ngừa bạo lực đối với PN. Như vậy, việc đánh giá nhận thức, thái độ của TN về BLGD đối với PN có ý nghĩa định hướng cho hoạt động giáo dục TN về vấn đề này.

Trên tinh thần đó, năm 2012, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu thực trạng ý thức phòng chống bạo lực PN trong gia đình của 150 sinh viên (SV) Học viện Báo chí và Tuyên truyền (gồm cả nam và nữ) đến từ thành thị và nông thôn. Phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu là điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu đánh giá sự hiểu biết và sự sẵn sàng tham gia công tác phòng chống BLGD đối với PN của TN. Vì vậy, thực trạng ý thức phòng chống BLGD của TN được thể hiện qua hai mặt: *nhận thức* và *thái độ*.

2. Nhận thức của TN về BLGD đối với PN

Chúng tôi đánh giá nhận thức của TN ở sự hiểu biết về các dạng BLGD đối với PN và hậu quả của bạo lực (xem *bảng 1*).

Bảng 1. Nhận thức của TN về các dạng BLGD

Nội dung	Các lựa chọn	Tỉ lệ (%)		
		Nam	Nữ	Tổng
BLGD đối với PN	Thể chất	4,7	0,9	2,0
	Thể chất và tinh thần	23,3	29,0	27,3
	Thể chất, tinh thần và tình dục	72,1	70,1	70,7

Bảng 1 cho thấy, 70,7% TN đã hiểu đúng về BLGD bao gồm: bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần, bạo lực tình dục. Với số lượng gần 1/3 TN chưa hiểu đúng về các dạng bạo lực có thể sẽ dẫn đến việc bỏ qua một số hành vi vi phạm pháp luật trong quan hệ vợ chồng.

Trong số TN được hỏi, tỉ lệ nhận thức không đầy

đủ về các dạng BLGD chiếm 29,3%, họ cho rằng BLGD đối với PN chỉ là bạo lực thể chất và tinh thần. Đây là những người đang trong độ tuổi trưởng thành, chuẩn bị bước vào cuộc sống gia đình nhưng họ vẫn còn thiếu hiểu biết về những khía cạnh trong cuộc sống vợ chồng. Cụ thể, nhiều TN quan niệm BLGD chủ yếu chỉ là những hành vi đấm, đá, uy hiếp hay đe dọa về tinh thần. Xét từng loại BLGD có thể thấy: có 26,8% TN cho rằng bạo lực thể chất chỉ là những hành động đấm đá; 13,3% cho rằng bạo lực tinh thần chỉ là chửi bới, xúc phạm. *Với dạng bạo lực tình dục*, hầu hết TN chỉ coi là sự cưỡng ép quan hệ tình dục mà bỏ qua hành vi từ chối sử dụng biện pháp tránh thai, bệnh lây nhiễm qua đường tình dục. Nhiều dấu hiệu không được lựa chọn vì TN cho rằng quan hệ tình dục với vợ là quyền của người chồng, vợ thuộc sở hữu riêng nên người chồng có thể quan hệ tình dục bất cứ khi nào họ muốn. Như vậy, với từng loại bạo lực, nhận thức của TN chưa thật đầy đủ về các biểu hiện của nó. Bỏ sót những hành vi được coi là bạo lực, TN đã vô tình vi phạm quy định của pháp luật. Rõ ràng bên cạnh những chuẩn mực đạo đức, những quy định mới của pháp luật đã được ban hành, nhiều TN vẫn chưa am hiểu sâu sắc pháp luật, do đó, vẫn tồn tại những quan niệm sai trái, vi phạm pháp luật mà bản thân không hề hay biết.

Về hậu quả của BLGD, tỉ lệ TN nhận thức đúng tương đối cao. Hầu hết các nội dung đều nhận được câu trả lời đúng trên 90%. Không chỉ nhìn nhận hậu quả một cách trực tiếp do bạo lực gây ra như: người PN căng thẳng, thất vọng về cuộc sống, con cái phải chứng kiến cảnh bất hoà trong gia đình... mà họ còn thấy được những hậu quả lớn hơn đằng sau mỗi vụ bạo lực, đó là sự tan nát gia đình: vợ chồng chia lìa, con cái dễ có nguy cơ sa ngã, hư hỏng... Đặc biệt TN nhấn mạnh ảnh hưởng tiêu cực của BLGD đến sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ em như: có xu

* Học viện Báo chí và Tuyên truyền

hướng xa lánh người thân, gia đình, mặc cảm với bạn bè, hàng xóm, thất vọng, tủi thân, buồn chán, dễ tiếp xúc với những hành vi tiêu cực của xã hội hoặc trở thành nạn nhân của các tệ nạn xã hội...

Theo báo cáo của Tòa án Nhân dân tối cao, từ ngày 1/1/2000 đến ngày 31/12/2005, các Tòa án địa phương trong cả nước đã thụ lý và giải quyết sơ thẩm 352.047 vụ việc hôn nhân gia đình. Trong đó có tới 39.730 vụ li hôn do BLGD (chiếm 53,1% tổng số vụ li hôn). Riêng năm 2005, số vụ li hôn có liên quan đến hậu quả BLGD chiếm 60,3% (Dẫn theo Dương Thị Loan, 2008). Tại Hà Nội, năm 2007, có 71/378 vụ li hôn liên quan đến BLGD chiếm 18,7% tăng 22 vụ so với năm 2006 (Dẫn theo Ngô Minh Ngọc, 2008). Những thông tin trên chỉ rõ mức độ nghiêm trọng của BLGD đối với hạnh phúc của mỗi gia đình và sự phát triển của toàn xã hội. Tuy nhiên, kết quả trong bảng khảo sát cho thấy một tỉ lệ lớn, khá đồng đều ở cả nam và nữ TN không cho rằng BLGD là nguyên nhân dẫn đến li hôn (43,2%).

Bảng 2. Nhận thức của TN về hậu quả của BLGD

TT	Nội dung	Lựa chọn	Tỉ lệ (%)		
			Nam	Nữ	Tổng
1	PN bị bạo lực thường căng thẳng, thất vọng	Đúng/Sai	95,2/4,8	96,4/3,6	95,8/4,2
2	Không có người PN nào chết vì bạo lực	Đúng/Sai	4,7/95,3	2,8/97,2	3,3/96,7
3	BLGD thường là nguyên nhân của li hôn	Đúng/Sai	55,8/44,2	57,9/42,1	56,8/43,2
4	Con cái sẽ đau đớn khi chứng kiến cảnh BLGD	Đúng/Sai	97,7/2,3	99,1/0,9	98,7/1,3
5	Trẻ sống trong gia đình có bạo lực rất dễ phạm tội	Đúng/Sai	88,4/11,6	91,6/8,4	90,7/9,3

Nhìn chung, nhận thức của TN về BLGD là đúng song chưa đầy đủ và không có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ TN, giữa thành thị và nông thôn.

3. Thái độ của TN về BLGD đối với PN

Hành vi bạo lực trong gia đình đối với PN không chỉ là chuyện xung đột cá nhân mà là vấn đề xã hội. Vì tính chất phức tạp và hậu quả nghiêm trọng của nó, Luật phòng chống BLGD đã quy định rõ những nội dung liên quan đến vấn đề này. Thời gian qua, các phương tiện thông tin đại chúng đã thực hiện chức năng tuyên truyền giáo dục về luật. Nếu TN thực sự quan tâm, họ sẽ có thái độ đúng đắn về hành vi BLGD đối với PN.

Căn cứ vào điểm trung bình (ĐTB) các câu đo cảm xúc và hành vi của TN, chúng tôi nhận thấy thái độ của TN chưa thực sự tích cực (ĐTB=1,44 so với ĐTB cao nhất là 3,00). Thái độ của họ không đồng đều ở tất cả các nội dung được hỏi. Có những nội dung

đã thể hiện thái độ tích cực song còn có những nội dung đạt mức độ trung bình, thậm chí ở mức độ thấp.

Bảng 3. Thái độ của TN về BLGD/PN

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Trả lời đúng (%)
1.	BLGD là không thể chấp nhận được	1,52	0,77	51,2
2.	Hành vi BL của người chồng cần được xử lý thích đáng	0,98	0,60	62,1
3.	PN bị BL cần được chia sẻ, giúp đỡ kịp thời	1,87	0,14	98,0
4.	Mong muốn được tham gia vào các hoạt động phòng chống BLGD	1,93	0,34	94,7
5.	Tìm hiểu Luật phòng chống BLGD	1,26	0,83	51,3
6.	Biết thông tin về BLGD thông qua các phương tiện thông tin đại chúng	1,29	0,80	74,0
7.	Sẵn sàng tham gia lớp học tiến hôn nhân	1,56	0,65	82,7
8.	Tham gia giải quyết khi có vụ BLGD ở địa phương	1,52	0,55	77,2
9.	Vận động PN không nên chấp nhận BLGD	1,46	0,68	86,7
10.	Báo cho chính quyền địa phương khi biết có PN bị BLGD	1,26	0,82	83,3
11.	Cung cấp địa chỉ hỗ trợ cho PN bị BL	1,56	0,62	79,3
12.	Khuyên PN bị BL ra quyết định tốt nhất cho bản thân	1,13	0,80	61,5
	Trung bình chung	1,44		

Kết quả nghiên cứu ở bảng 3 cho thấy: Tuy có sự cảm thông với những người PN bị bạo lực (98% thấy cần có sự chia sẻ, giúp đỡ PN bị bạo lực) nhưng TN còn dung túng cho hành vi bạo lực (chỉ có 62,1% cho rằng cần xử lý thích đáng hành vi bạo lực). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra nguyên nhân sâu xa của việc chấp nhận hành vi BLGD xuất phát từ quan điểm cho rằng nam giới có quyền kiểm soát, quyết định mọi việc trong gia đình. Sự thể hiện quyền lực của nam giới đã khiến người PN phải lệ thuộc vào họ và phải phục tùng. Cho phép nam giới và nữ giới có sự thể hiện tức giận khác nhau: nam giới thấy khó kiểm soát được sự tức giận vì bản chất sinh học của họ còn bản chất của nữ giới là nhẫn nhịn. Quan điểm này đã ăn sâu vào suy nghĩ của mỗi người và được củng cố qua nhiều thế hệ. Không chỉ có nam TN mà nữ TN cũng thừa nhận có thể bỏ qua, tha thứ cho hành vi bạo lực nếu ở mức độ nhẹ.

Thực tế cho thấy, hành vi BLGD thường không phải là mới mà nó được lặp đi lặp lại có tính chu kỳ và có nguy cơ ngày càng gia tăng. Đặc biệt, bạo lực có thể lặp lại ở những thế hệ sau nếu con cái đã từng sống trong gia đình có bạo lực. Vì thế, tỉ lệ 51,2% TN "không chấp nhận được hành vi bạo lực" cho thấy vẫn còn một bộ phận không nhỏ TN có thái độ chưa đúng đắn trước tệ nạn xã hội cần xoá bỏ. Trong số đó, tỉ lệ

nữ TN chiếm số đông hơn nam TN. Số liệu này cũng dự báo trong hiện tại và tương lai, hành vi BLGD sẽ tiếp tục được củng cố và duy trì.

Mặc dù đã thể hiện thái độ tích cực trong sự khát khao được tham gia vào các hoạt động phòng chống BLGD (ĐTB = 1,93) song ở những hành động cụ thể, TN lại tỏ ra thiếu tích cực ở các biểu hiện: "Tìm hiểu Luật phòng chống BLGD"; "Bảo cho chính quyền địa phương khi biết có PN bị bạo lực"; "Khuyến PN bị bạo lực ra quyết định tốt nhất cho bản thân" ... đều có ĐTB < 1,5 (mức trung bình).

Thực trạng trên đã phản ánh đúng đặc điểm tâm lý của lứa tuổi TN. Họ là những người đầy nhiệt huyết và hăng hái tham gia các hoạt động chính trị xã hội. Tuy nhiên, họ rất cần có sự định hướng của gia đình, các tổ chức xã hội. Vì thế, công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng chống BLGD là rất cần thiết. Nhất là trong hiện tại và tương lai, họ là lớp người trực tiếp quyết định tình trạng BLGD. Theo số liệu thu được trong *bảng 3*, tỉ lệ 51,3% TN có tìm hiểu Luật phòng chống BLGD cho thấy công tác tuyên truyền giáo dục về pháp luật nói chung và Luật phòng chống BLGD ở nước ta còn chưa hiệu quả. Là những người có trí tuệ, nhạy bén, sẵn cảm đối với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của quốc gia và quốc tế, TN có chính kiến đối với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, do đó, hoạt động chính trị - xã hội là nhu cầu, nguyện vọng của TN. Lịch sử nhân loại cũng như đất nước đã chứng minh nhiều tấm gương sáng của những TN trong công cuộc đấu tranh vì chính nghĩa, vì quyền lợi của quần chúng nhân dân lao động. Tiếng nói và những động thái của TN mang tính chất chính trị - xã hội rõ rệt. Việc tham gia của họ vào các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội... vừa có ý nghĩa trong việc phát triển nhân cách toàn diện của họ vừa góp phần không nhỏ vào sự thành công của các thể chế xã hội.

Từ kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi cho rằng, cần đưa nội dung giáo dục phòng chống BLGD vào hệ thống giáo dục trong nhà trường ngay từ lứa tuổi vị thành niên thông qua các chương trình giáo dục pháp luật hay giáo dục sức khỏe sinh sản. □

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục thống kê Việt Nam. **Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình với phụ nữ ở Việt Nam**, 2010.
2. UNFPA. "Bạo lực trên cơ sở giới". Báo cáo chuyên đề, 2010.

3. Vũ Mạnh Lợi. "Bạo lực gia đình - Sự thay đổi của Việt Nam". Phát hiện và đề xuất từ dự án UNFPA/SDC, 2006.

4. Vũ Thị Nho. **Tâm lý học phát triển**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 1999.

5. "Phòng chống bạo lực phụ nữ và trẻ em - Pháp luật và thực tiễn". Kí yếu Hội thảo khoa học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2008.

SUMMARY

The Youth have not had enough interest on the issue of Domestic Violence against Women and do not have high commitment to prevention of and addressing the problem. For such reasons, it needs for knowledge improvement and attitude changes in accordance with social progressive values. Training the Youth on gender roles should be promoted thorough different channels such as communication, school course on Domestic violence against women and related legislation document, and especialli through community outreach to prevent domestic violence against women.

Khai thác đặc điểm đặc thù...

(Tiếp theo trang 27)

thể xây dựng thành BTKT. Khi xây dựng hoặc lựa chọn BTKT, GV nên chú trọng khai thác tối đa các đặc điểm đặc thù của chúng. Nên sử dụng các bài toán sao cho khi thực hiện giải bài toán, người học luôn phải suy nghĩ để tìm mối liên hệ giữa điều kiện với yêu cầu của bài toán; phải vận dụng tổng hợp các kiến thức đã có; phải sử dụng hầu hết các thao tác và hình thức tư duy v.v... Qua đó, người học không chỉ nắm vững kiến thức, rèn luyện kĩ năng mà còn phát triển TDKT. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trọng Khanh. **Phát triển năng lực và tư duy kĩ thuật**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2011.
2. Nguyễn Trọng Khanh. **Giáo trình về Động cơ đốt trong, Ô tô**.

SUMMARY

Technical problem, along with its typical characteristics is high effective mean for learner to develop their technical thoughts. In order to exploit the dvantages of technical problems in developing learners' thought, teachers need to penetrate all types of technical problem and its typical characteristics to choose or build reasonable problems. Simultaneously, in teaching, teachers need to know how to penetrate its typical characteristics in order to develop technical thoughts for learner.